

Số: /2026/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Quy định phân công, phân cấp quản lý hoạt động cấp nước
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 và Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương;

Căn cứ Thông tư số 145/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn các nội dung đặc thù khi áp dụng phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trong định giá nước sạch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định phân công, phân cấp quản lý hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc phân công, phân cấp quản lý hoạt động cấp nước tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Ủy ban nhân dân cấp xã.
3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hoạt động cấp nước là các hoạt động có liên quan trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, bao gồm: quy hoạch, tư vấn thiết kế, đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bán buôn nước sạch, bán lẻ nước sạch và sử dụng nước.
2. Vùng phục vụ cấp nước là khu vực có ranh giới xác định mà đơn vị cấp nước có nghĩa vụ cung cấp nước sạch cho các đối tượng sử dụng nước trong khu vực đó.
3. Cấp nước sạch đô thị là hoạt động cấp nước trong khu vực đô thị.
4. Cấp nước sạch nông thôn là hoạt động cấp nước trong khu vực nông thôn.
5. Hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh (*sau đây gọi tắt là hệ thống cấp nước*) là một hệ thống bao gồm các công trình khai thác, xử lý nước, mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch đến khách hàng sử dụng nước và các công trình phụ trợ có liên quan.
6. Hệ thống cấp nước đô thị là hệ thống cấp nước phục vụ hoàn toàn khu vực đô thị hoặc hệ thống cấp nước phục vụ đồng thời khu vực đô thị và nông thôn nhưng có sản lượng nước sạch cấp cho khu vực đô thị lớn hơn hoặc bằng sản lượng nước sạch cấp cho khu vực nông thôn.
7. Hệ thống cấp nước nông thôn là hệ thống cấp nước phục vụ hoàn toàn khu vực nông thôn hoặc hệ thống cấp nước phục vụ đồng thời khu vực đô thị và nông thôn nhưng có sản lượng nước sạch cấp cho khu vực nông thôn lớn hơn sản lượng nước sạch cấp cho khu vực đô thị.

8. Hệ thống cấp nước liên xã là hệ thống cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

9. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (bao gồm cả đất gắn với công trình kết cấu hạ tầng cấp nước sạch) gồm: công trình khai thác nước, công trình xử lý nước, mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch và các công trình phụ trợ có liên quan.

10. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị là tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phục vụ cấp nước cho khu vực đô thị hoặc đồng thời phục vụ khu vực đô thị và nông thôn nhưng có sản lượng nước sạch cấp cho khu vực đô thị lớn hơn hoặc bằng sản lượng nước sạch cấp cho khu vực nông thôn.

11. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn là tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phục vụ cấp nước cho khu vực nông thôn hoặc đồng thời phục vụ khu vực đô thị và nông thôn nhưng có sản lượng nước sạch cấp cho khu vực nông thôn lớn hơn sản lượng nước sạch cấp cho khu vực đô thị.

Điều 4. Nguyên tắc phân công, phân cấp

1. Bảo đảm sự thống nhất trong quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật về phân cấp quản lý nhà nước và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Việc phân công trách nhiệm tham mưu quản lý nhà nước giữa các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện theo loại hình hệ thống cấp nước quy định tại Điều 3 Quyết định này, bảo đảm mỗi hệ thống cấp nước chỉ có một cơ quan chuyên môn chủ trì tham mưu quản lý nhà nước nhằm bảo đảm thống nhất đầu mối, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ.

3. Đối với hoạt động cấp nước trong khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng, việc quản lý được thực hiện theo loại hình hệ thống cấp nước bảo đảm hạ tầng kỹ thuật cấp nước phát triển đồng bộ với quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế.

Điều 5. Phân công quản lý hoạt động cấp nước

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về cấp nước sạch đô thị và khu công nghiệp.

b) Xây dựng kế hoạch, chương trình, chỉ tiêu và cơ chế, chính sách phát triển cấp nước sạch đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Tổ chức xúc tiến đầu tư, vận động, khai thác các nguồn lực để phát triển hệ thống cấp nước đô thị, khu công nghiệp theo quy định.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện ký kết thỏa thuận thực hiện

dịch vụ cấp nước đối với hệ thống cấp nước đô thị liên xã.

d) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện cấp nước an toàn khu vực đô thị.

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị do Nhà nước đầu tư trên địa bàn tỉnh.

e) Tổ chức lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cấp nước đô thị, khu công nghiệp theo quy định.

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định phương án giá nước sạch đối với các hệ thống cấp nước đô thị quy định tại khoản 6 Điều 3 Quyết định này và hệ thống cấp nước khu công nghiệp.

h) Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về cấp nước sạch đô thị và khu công nghiệp. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

i) Kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về cấp nước đô thị, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về cấp nước sạch nông thôn.

b) Xây dựng kế hoạch, chương trình, chỉ tiêu và cơ chế, chính sách phát triển hệ thống cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Tổ chức xúc tiến đầu tư, vận động, khai thác các nguồn lực để phát triển hệ thống cấp nước nông thôn theo quy định.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước đối với hệ thống cấp nước nông thôn liên xã.

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị cấp nước xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn do Nhà nước đầu tư trên địa bàn tỉnh.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định phương án giá nước sạch nông thôn đối với các hệ thống cấp nước nông thôn quy định tại khoản 7 Điều 3 Quyết định này.

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương quản lý, bảo vệ nguồn nước; kiểm soát các nguồn thải, nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước phục vụ cấp nước; tổ chức biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố ô nhiễm nguồn nước trên

địa bàn tỉnh.

h) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh.

i) Thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về cấp nước nông thôn. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

3. Sở Y tế

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và kiểm tra, giám sát thực hiện theo quy định.

b) Hướng dẫn thực hiện quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo quy định.

4. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp có thẩm quyền bố trí kế hoạch vốn để thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án phát triển hệ thống cấp nước đô thị, nông thôn và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ về giá nước sạch sinh hoạt đối với khu vực nông thôn; hộ nghèo, hộ gia đình chính sách; hộ dân cư sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn phù hợp với quy định của pháp luật và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định hồ sơ phương án giá nước sạch trên địa bàn tỉnh. Trường hợp giá nước sạch do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thấp hơn phương án giá nước sạch đã được tính đúng, tính đủ theo quy định, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phương án cấp bù từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật và khả năng cân đối ngân sách, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đơn vị cấp nước.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Tham gia ý kiến hoặc thẩm định công nghệ các dự án đầu tư xây dựng công trình nước sạch theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về đo lường đối với các phương tiện đo nằm trong danh mục quản lý nhà nước tại các đơn vị cấp nước.

6. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

a) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban

nhân dân cấp xã thực hiện quản lý hoạt động cấp nước trong phạm vi khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp.

b) Cho ý kiến bằng văn bản về sự phù hợp quy hoạch và nhu cầu sử dụng nước trước khi cơ quan có thẩm quyền ký thỏa thuận dịch vụ cấp nước hoặc phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước đối với các hệ thống cấp nước nằm trong khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp.

c) Phối hợp thực hiện kiểm tra việc bảo đảm cấp nước an toàn và giám sát chất lượng dịch vụ của đơn vị cấp nước trong phạm vi quản lý. Kịp thời phát hiện, tổng hợp và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về cấp nước trong phạm vi quản lý.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phối hợp với đơn vị cấp nước bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước sinh hoạt trên địa bàn quản lý. Trong trường hợp có sự cố xảy ra trên hệ thống cấp nước kéo dài, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với đơn vị cấp nước để thực hiện các biện pháp cấp nước tạm thời nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của người dân.

b) Phối hợp thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn theo nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao và tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn quản lý.

c) Hỗ trợ, tạo điều kiện và tổ chức giám sát việc thực hiện thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước của đơn vị cấp nước trên địa bàn quản lý.

d) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về cấp nước, hướng dẫn nhân dân bảo vệ công trình cấp nước, sử dụng nước tiết kiệm và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về cấp nước.

đ) Định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, báo cáo các nội dung liên quan đến công tác quản lý cấp nước trên địa bàn gửi Sở Xây dựng (đối với cấp nước đô thị, khu công nghiệp) và Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối với cấp nước nông thôn) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

Điều 6. Phân cấp quản lý hoạt động cấp nước cho Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện quản lý hoạt động cấp nước đối với các công trình cấp nước có phạm vi phục vụ nằm hoàn toàn trong địa giới hành chính mình quản lý, trừ các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện các quy định về bảo đảm cấp nước an toàn trên địa bàn do mình quản lý theo các quy định của pháp luật.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Nội dung phân công cơ quan chủ trì thẩm định phương án giá nước sạch trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định tại Quyết định này và thay thế nội dung phân công cơ quan chủ trì thẩm định phương án giá nước sạch tại số thứ tự 1 Mục C Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 68/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Y tế, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, CV: KT;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Thạch